TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** **--***---**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Khoái Châu, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
V/v xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Tân.
Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên họp: Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2022/HNGĐ-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, về việc "Xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân gia đình số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:***
Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983
Nơi ĐKHTT, TT: Tổ dân phố số A, phường Y, Quận H, thành phố H(có đơn xin vắng mặt)
*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.**
+ Cháu Nguyễn T L(tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 01/9/2018.
+ Cháu Nguyễn N P (tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 01/9/2019.
Người giám hộ cho cháu L, P là chị Đỗ Thị H.
+ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1996.
Đều đăng ký HKTT, trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (có đơn xin vắng mặt).
+Anh Nguyễn N A, sinh năm 1990.
Đăng ký HKTT, trú tại: Số Ă, phố Đ T, phường C, quận H, thành phố H. (có đơn xin vắng mặt)
**** Người làm chứng:***
+Ông Nguyễn Văn Hưng, sinh năm 1954.
Nơi ĐKHTT, TT: Tổ dân phố số Â, phường Y, Quận H, thành phố H.

+Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
(tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

1. Tại Đơn yêu cầu ngày 16/02/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người yêu cầu là anh Nguyễn Văn T trình bày như sau: Năm 2004 anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 là người ở Q, H. Anh và chị L được tự do tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại phường Y, Quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn thì chị Lvề nhà anh sinh sống, trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách nên dẫn đến cuối năm 2016 anh và chị Nguyễn Thị L đã ly hôn theo Quyết định của Toà án. Trong quá trình chung sống thì anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị V, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn M T, sinh năm 2013, hiện nay các cháu đang ở với chị L.

Đến tháng 5 năm 2017, anh có quen chị Đỗ Thị H và có quan hệ sống chung như vợ chồng và không đăng ký kết hôn với chị H, khi anh có quan hệ tình cảm với chị H thì anh không biết chị H có chồng là anh Nguyễn N A, sinh năm 1990 trú tại số Ă, Đường T, phường C, quận H, thành phố H, anh có hỏi chị H thì chị nói đã ly hôn rồi, mãi sau này thì anh mới biết được là chị H chỉ sống ly thân với chồng và chưa ra Toà án để giải quyết ly hôn.

Chị H có nói với anh là cuộc sống hôn nhân với anh Ánh không hạnh phúc và sau đó anh và chị H có qua lại quan hệ tình cảm với nhau, sinh được 02 con là cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn N P (tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2019. Từ khi chị H sinh hai cháu thì anh vẫn là người chu cấp và cấp dưỡng cho hai cháu.

Đến ngày 11/5/2021 chị H và anh Ah đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 117/2021/QĐST-HNGĐ, và theo nội dung quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự này thì đều xác định không có con chung.

Ngày 03/11/2021, anh có làm thủ tục xét nghiệm ADN của anh với cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh) và cháu Nguyễn N P (tên dự kiến khai sinh) sinh ngày 01/9/2019 thì Kết quả xét nghiệm kết luận giữa anh và các cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh) và cháu Nguyễn N P, (tên dự kiến khai sinh) có quan hệ huyết thống Cha - con xác suất quan hệ là 99,9999%.

Do muốn các cháu được làm thủ tục khai sinh bình thường như những đứa trẻ khác nên nên anh và chị H có đến Trụ sở UBND xã, Phường để làm thủ tục khai sinh cho cháu L và cháu P nhưng không được mà phải làm thủ tục xác định cha cho con đối với cháu L và cháu P.

Nay anh làm đơn này đề nghị Toà án nhân dân huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên xác định cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn N P (tên dự kiến khai sinh) là con của anh.

2. Tại Biên bản lấy lời khai của chị Đỗ Thị H trình bày: Vào năm 2016 chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn N A, sinh năm 1990 trú tại số Ă, Đường T,

phường C, quận H, thành phố H. Trong quá trình chung sống anh chị chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách.

Sau đó thì chị và anh Ah đã sống ly thân vào khoảng năm giữa năm 2017.

Đến ngày 11/5/2021 chị và anh Ah đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 117/2021/QĐST-HNGĐ, và theo nội dung quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự này thì anh chị đều xác định không có con chung, nên khi giải quyết ly hôn anh chị đều không đặt ra xem xét giải quyết.

Trong thời gian sống ly thân với anh Ah thì từ tháng 5/2017 chị có quen biết và có quan hệ sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; Nơi ĐKHTT, TT: Tổ dân phố số Â, phường Y, Quận H, thành phố H. Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn T L, sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn N P, sinh ngày 01/9/2019 , do chị và anh Ánh chưa ly hôn được nên chị không thể làm thủ tục giấy khai sinh và xác nhận cha con đối với anh Nguyễn Văn T.

Từ khi chị sinh hai cháu Nguyễn T L, sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn N P, sinh ngày 01/9/2019 thì anh Tiến là người chu cấp và chăm sóc cho hai cháu là L, P.

Chị và anh T hiện nay vẫn đang chung sống như vợ chồng và chưa đăng ký kết hôn. Hai cháu Nguyễn T L, sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn N P hiện nay đang sống với chị.

Ngày 03/11/2021, anh Nguyễn Văn T, có làm thủ tục xét nghiệm ADN giữa anh T với cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh) và cháu Nguyễn N P (tên dự kiến khai sinh) sinh ngày 01/9/2019 thì Kết quả xét nghiệm kết luận anh Tiến với các cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh) và cháu Nguyễn N P (tên dự kiến khai sinh) có quan hệ huyết thống Cha - con xác suất quan hệ là 99,9999%.

Do muốn các cháu được làm thủ tục khai sinh bình thường như những đứa trẻ khác nên anh Tiến và chị H có đến Trụ sở UBND xã , Phường để làm thủ tục khai sinh cho cháu L và cháu P nhưng không được mà phải làm thủ tục xác định cha cho con đối với cháu L và cháu P.

Vậy chị đề nghị Tòa án tiến hành điều tra, xác minh xem xét giải quyết yêu cầu của anh Tiến về việc đề nghị Tòa án xác định cháu L và cháu P là con của anh Nguyễn Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

3.Tại bản tự khai của anh Nguyễn N A trình bày: Vào năm 2016 anh có đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị H, sinh năm 1996, HKTT, TT: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống anh chị sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách.

Sau đó thì anh và chị H đã sống ly thân vào khoảng năm giữa năm 2017.

Đến ngày 11/5/2021 anh và chị H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 117/2021/QĐST-HNGĐ, và theo nội dung quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự này thì anh, chị đều xác định không có con chung, nên khi giải quyết ly hôn anh, chị đều không đặt ra xem xét giải quyết, tuy nhiên chị H lại có 02 con là cháu Nguyễn T L, sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn N P, sinh ngày 01/9/2019 thì anh không biết 02 cháu L, cháu P là con của ai, bố 2 đứa trẻ này làm gì ở đâu, vì khi chị H mang thai hai cháu L, P thì không

sống cùng với anh mà thuê nhà sinh sống ở bên ngoài từ giữa năm 2017 cho đến nay, mới đây anh mới nghe được tin anh Nguyễn Văn T là bố của hai cháu Nguyễn T Lvà cháu Nguyễn Nam P. Anh cũng không chu cấp tiền nuôi dưỡng hai cháu L, P nên anh cũng không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T: Đều xác định anh T và chị H có quan hệ tình cảm, sống chung như vợ chồng và có với nhau 02 người con là cháu Nguyễn T L sinh ngày 01/9/2018 (tên dự kiến khai sinh) và cháu Nguyễn N P (tên dự kiến khai sinh) sinh ngày 01/9/2019.

Do vậy ông H, bà T đề nghị Tòa án tiến hành điều tra, xác minh xem xét giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc đề nghị Tòa án xác định cháu L và cháu P là con của anh T theo đúng quy định của pháp luật.

5. Tại kết quả phân tích AND số 211835.HG/DNA và số 211835.21G/DNA ngày 05/11/2021 và công văn phúc đáp số 0103/2022/CV-GĐ của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và công nghệ Genplus; Địa chỉ: Tầng O, số P đường T, phường K, quận Đ, thành phố H đã kết luận anh Nguyễn Văn T với cháu Nguyễn T L và cháu Nguyễn N P có quan hệ huyết thống cha – con với xác suất 99,9999%.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký tòa án: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, thẩm phán, thư ký tòa án đã tuân thủ đúng theo pháp luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 29, Điều 35, Điêu 149, Điều 367, Điều 370, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 36, Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, xác định anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 có Đăng ký HKTT, trú tại: Tổ dân phố số Â, phường Y, Quận H, thành phố H là cha đẻ của cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn N P (tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1]. ***Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng****:*

Ngày 11/12/ anh Nguyễn Văn T có ĐKHKTT, trú tại: Tổ dân phố số Â, phường Y, Quận H, thành phố H có đơn yêu cầu Toà án công nhận anh là cha đẻ của cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn

N P (tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2019. Anh Tiến và chị H có biên bản thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết vụ việc. Do vậy, đây là việc dân sự về yêu cầu xác định cha cho con, theo quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 16/02/2022 Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý đơn yêu cầu, đến ngày 18/03/2022, Tòa án ra quyết định mở phiên họp. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu anh Nguyễn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn N A, chị Đỗ Thị H; người làm chứng là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và có quan điểm xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt họ.

[2] *Về nội dung:*

Vào năm 2016 chị Đỗ Thị H có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn N A, sinh năm 1990 trú tại số Ă, Đường T, phường C, quận H, thành phố H. Trong quá trình chung sống chị H và anh Ah sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách.

Sau đó chị H, anh Ah đã sống ly thân vào khoảng năm giữa năm 2017, chị H đã dọn ra ngoài sinh sống và không có liên lạc hay muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trong thời gian sống ly thân với anh Ah thì từ tháng 5/2017 đến nay chị H quen biết và có quan hệ sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; Nơi ĐKHTT, TT: Tổ dân phố số Â, phường Y, Quận H, thành phố H. Anh T và chị H có chồng nhưng chưa làm thủ tục giải quyết ly hôn cho đến khi chị H và anh Tiến có 02 con chung là cháu Nguyễn T L(tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2018 và cháu Nguyễn N P (tên dự kiến khai sinh), sinh ngày 01/9/2019.

Đến ngày 11/5/2021 chị H và anh Ah đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 117/2021/QĐST-HNGĐ, của Toà án nhân dân quận H và theo nội dung quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự này thì hai anh chị đều xác định không có con chung.

Theo kết quả phân tích AND số 211835.HG/DNA và số 211835.21G/DNA ngày 05/11/2021 và công văn phúc đáp số 0103/2022/CV-GĐ của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và công nghệ Genplus; Địa chỉ: Tầng O, số P đường T, phường K, quận Đ, thành phố H đã kết luận anh Nguyễn Văn T với cháu Nguyễn T Lvà cháu Nguyễn N P có quan hệ huyết thống cha – con với xác suất 99,9999%. Do đó Tòa án thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T xác định anh Nguyễn Văn T là cha của cháu Nguyễn T Lvà cháu Nguyễn N P (tên khai sinh dự kiến).

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 29, Điều 35, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 36, Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Xác định anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983, Nơi đăng ký HKTT, trú tại: Tổ dân phố số Â, phường Y, Quận H, thành phố H là cha đẻ của cháu Nguyễn T L(tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 01/9/2018 theo giấy chứng sinh số 0022312, quyển sổ 0224 tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội và cháu Nguyễn N P (tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 01/9/2019 theo giấy chứng sinh số 41, quyển sổ 16, số BA 24050 của Bệnh viện Đa Khoa Hà Đông.

-Anh Nguyễn Văn T được quyền đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục khai sinh cho con theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Anh Nguyễn Văn T không phải nộp lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu anh Nguyễn Văn T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn N A vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu.
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Đ;
- UBND phường Y;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Bùi Văn Tân